BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

28 - 55

Phòng thi: 1
Giảng đường: HT_D1_CS1

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2023-2024

## *Học phần: Thẩm định giá bất động sản*

| STT | SBD | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Lớp | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 000001 | 0810120889 | Phạm Ngọc | Bang | 09/08/2002 | NH8A | 01 | 28 | 2,3 | 01 | Bang | lẻ |
| 2 | 000002 | 0901010500 | Đặng Hoàng Quý | Anh | 27/10/2003 | NH9A | 01 | 29 | 0,5 | 01 | Anh | chẵn |
| 3 | 000003 | 0901010897 | Ngô Thị Lan | Anh | 27/12/2003 | NH9A | 01 | 30 | 4,8 | 01 | Anh | lẻ |
| 4 | 000004 | 0901070787 | Đỗ Ngọc | Ánh | 07/04/2003 | NH9A | 01 | 31 | 4,0 | 01 | Ánh | chẵn |
| 5 | 000005 | 0901010358 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 11/12/2003 | NH9A | 01 | 32 | 4,3 | 01 | Ánh | lẻ |
| 6 | 000006 | 0901010347 | Dương Gia | Bảo | 11/11/2003 | NH9A | 01 | 33 | 4,5 | | Bảo | chẵn |
| 7 | 000007 | 0901010423 | Đỗ Linh | Chi | 31/10/2003 | NH9A | 01 | 34 | 2,8 | 01 | Chi | lẻ |
| 8 | 000008 | 0901010123 | Ngô Thành | Đạt | 18/11/2003 | NH9A | 01 | 35 | 3,5 | 01 | Đạt | chẵn |
| 9 | 000009 | 0901010372 | Ma Văn | Đức | 24/07/2003 | NH9A | 01 | 36 | 4,5 | 01 | Đức | lẻ |
| 10 | 000010 | 0901010915 | Tạ Thị Thùy | Dung | 21/12/2003 | NH9A | 01 | 37 | 4,3 | 01 | Dung | chẵn |
| 11 | 000011 | 0901010203 | Trần Ngọc | Dung | 19/08/2003 | NH9A | 01 | 38 | 3,3 | 01 | Dung | lẻ |
| 12 | 000012 | 0901010312 | Bùi Trung | Dũng | 19/12/2003 | NH9A | 01 | 39 | 1,5 | 01 | Dũng | chẵn |
| 13 | 000013 | 0901020104 | Nông Thái | Dương | 11/11/2003 | NH9A | 01 | 40 | 5,3 | 01 | Dương | lẻ |
| 14 | 000014 | 0901010127 | Cao Lâm | Duy | 02/03/2000 | NH9A | 01 | 41 | 2,0 | 01 | Duy | Chẵn |
| 15 | 000015 | 0901010493 | Hoàng Thị | Duyên | 26/11/2003 | NH9A | 01 | 42 | 2,8 | 01 | Duyên | lẻ |
| 16 | 000016 | 0901010647 | Lê Trường | Giang | 25/08/2002 | NH9A | 01 | 43 | 4,3 | 01 | Giang | chẵn |
| 17 | 000017 | 0901010390 | Nguyễn Minh | Hạnh | 04/11/2003 | NH9A | 01 | 44 | 4,0 | 01 | Hạnh | lẻ |
| 18 | 000018 | 0901010937 | Khương Minh | Hiền | 29/11/2003 | NH9A | 01 | 45 | 4,5 | 01 | Hiền | chẵn |
| 19 | 000019 | 0901010351 | Ngô Thị Thu | Hiền | 30/01/2003 | NH9A | 01 | 46 | 4,3 | 01 | Hiền | lẻ |
| 20 | 000020 | 0901010882 | Nguyễn Thị Thu | Hiền | 20/08/2003 | NH9A | 01 | 47 | 3,8 | 01 | Hiền | chẵn |
| 21 | 000021 | 0901010169 | Nguyễn Đức | Hiếu | 09/07/2003 | NH9A | 01 | 48 | 2,5 | 01 | Hiếu | lẻ |
| 22 | 000022 | 0901020748 | Vũ Thị | Hòa | 05/04/2003 | NH9A | 01 | 49 | 4,0 | 01 | Hoà | chẵn |
| 23 | 000023 | 0901010903 | Nguyễn Việt | Hoàng | 29/10/2003 | NH9A | 01 | 50 | 3,8 | 01 | Hoàng | lẻ |
| 24 | 000024 | 0901010504 | Phạm Lê Huy | Hoàng | 18/06/2003 | NH9A | 01 | 51 | 2,5 | 01 | Hoàng | HP Chẵn |
| 25 | 000025 | 0901010725 | Phạm Thị Thu | Huế | 05/01/2003 | NH9A | 01 | 52 | 6,0 | 01 | Huế | lẻ |
| 26 | 000026 | 0901010611 | Bùi Quốc | Huy | 19/11/2003 | NH9A | 01 | 53 | 4,8 | 01 | Huy | chẵn |
| 27 | 000027 | 0901010147 | Đoàn Thị | Huyền | 18/07/1998 | NH9A | 01 | 54 | 5,0 | 01 | Huyền | lẻ |
| 28 | 000028 | 0901010261 | Nguyễn Năng | Khoa | 16/03/2003 | NH9A | 01 | 55 | 4,0 | 01 | Khoa | Chẵn |

**Tổng số sinh viên dự thi:** 28
**Tổng số tờ giấy thi:** 28
**Tổng số biên bản:** 0.

*Ngày 11 tháng 12 Năm 2023*

**Cán bộ coi thi 1** Nguyễn Thị Nguyệt

**Cán bộ coi thi 2** Lê Thị Mùi Hà

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

1- 27

Phòng thi: 2
Giảng đường: B9_CS1

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2023-2024

## *Học phần: Thẩm định giá bất động sản*

lẻ/chẵn

| STT | SBD | Mã SV | Họ đệm | Tên | Ngày sinh | Lớp | Lớp HP | Phách | Điểm thi | Số tờ | Ký nộp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 000029 | 0901010314 | Nguyễn Khánh | Linh | 06/12/2003 | NH9A | 01 | 1 | 4,5 | 01 | Linh | lẻ |
| 2 | 000030 | 0901010878 | Đinh Hoàng | Long | 09/10/2003 | NH9A | 01 | 2 | Một | 01 | | Chẵn |
| 3 | 000031 | 0901030428 | Âu Duy | Minh | 18/06/2003 | NH9A | 01 | 3 | 2,3 | 01 | | lẻ |
| 4 | 000032 | 0901010134 | Tống Đăng | Minh | 23/11/2003 | NH9A | 01 | 4 | 1,3 | 01 | Minh | chẵn |
| 5 | 000033 | 0901010047 | Trần Phú | Minh | 18/05/2003 | NH9A | 01 | 5 | 3,8 | 01 | Minh | lẻ |
| 6 | 000034 | 0901010833 | Đỗ Thị | Ngọc | 09/09/2003 | NH9A | 01 | 6 | 6,0 | 01 | Ngọc | Chẵn |
| 7 | 000035 | 0901010909 | Phạm Văn | Nhật | 27/03/2003 | NH9A | 01 | 7 | 4,5 | 01 | Nhật | lẻ |
| 8 | 000036 | 0901010767 | Nguyễn Ngọc Uyển | Nhi | 28/12/2003 | NH9A | 01 | 8 | 1,5 | 01 | Nhi | chẵn |
| 9 | 000037 | 0901010583 | Nguyễn Thế | Phú | 04/08/2003 | NH9A | 01 | 9 | 4,8 | 01 | Phú | lẻ |
| 10 | 000038 | 0901010189 | Nguyễn Hoàng | Phúc | 02/08/2003 | NH9A | 01 | 10 | 1,5 | 01 | Phúc | chẵn |
| 11 | 000039 | 0901010515 | Lê Minh | Quân | 19/12/2003 | NH9A | 01 | 11 | 6,3 | 01 | Quân | lẻ |
| 12 | 000040 | 0901010640 | Nguyễn Như | Quỳnh | 20/10/2003 | NH9A | 01 | 12 | 0,8 | 01 | | chẵn |
| 13 | 000041 | 0901010227 | Nguyễn Hồng | Sơn | 01/09/2003 | NH9A | 01 | 13 | 2,8 | 01 | | lẻ |
| 14 | 000042 | 0901010398 | Vũ Hồng | Sơn | 01/07/2003 | NH9A | 01 | 14 | 4,5 | 01 | Sơn | Chẵn |
| 15 | 000043 | 0901070972 | Nguyễn Hồng | Thái | 06/10/2003 | NH9A | 01 | 15 | 2,8 | 01 | Thái | lẻ |
| 16 | 000044 | 0901010149 | Vũ Duy | Thái | 11/08/2003 | NH9A | 01 | 16 | 2,0 | 01 | Thái | chẵn |
| 17 | 000045 | 0901010165 | Ngô Phương | Thảo | 30/12/2003 | NH9A | 01 | 17 | 4,5 | 01 | Thảo | Lẻ |
| 18 | 000046 | 0901010264 | Hoàng Đức | Thiên | 08/01/1998 | NH9A | 01 | 18 | 2,8 | 01 | Thiên | Chẵn |
| 19 | 000047 | 0901010653 | Đỗ Thị Hoài | Thương | 07/01/2003 | NH9A | 01 | 19 | 3,5 | 01 | Thương | Lẻ |
| 20 | 000048 | 0901010188 | Ngô Thùy | Trang | 26/12/2003 | NH9A | 01 | 20 | 5,0 | 01 | Trang | Chẵn |
| 21 | 000049 | 0901011003 | Nguyễn Thu | Trang | | NH9A | 01 | 21 | 1,3 | 01 | Trang | Lẻ |
| 22 | 000050 | 0901030111 | Hoàng Minh | Trí | 28/12/2003 | NH9A | 01 | 22 | 0,5 | 01 | Trí | chẵn |
| 23 | 000051 | 0901030037 | Nguyễn Thanh | Tuyền | 12/08/2003 | NH9A | 01 | 23 | 3,3 | 01 | | lẻ |
| 24 | 000052 | 0901010717 | Quàng Văn | Ước | 15/10/2003 | NH9A | 01 | 24 | 2,5 | 01 | | chẵn |
| 25 | 000053 | 0901010981 | Mai Thùy | Vân | 30/04/2003 | NH9A | 01 | 25 | 3,5 | 01 | Vân | HP Đăng |
| 26 | 000054 | 0901010818 | Lưu Quốc | Việt | ~~03/01/2003~~ | ~~NH9A~~ | ~~01~~ | | | | | ĐK |
| 27 | 000055 | 0901010536 | Bàn Thị | Vững | 17/10/2003 | NH9A | 01 | 26 | 4,0 | 01 | Vững | lẻ |
| 28 | 000056 | 0901010802 | Lý Thị | Xuân | 22/02/2003 | NH9A | 01 | 27 | 3,5 | 01 | Xuân | HP Đăng |

**Tổng số sinh viên dự thi:** 27
**Tổng số tờ giấy thi:** 27
**Tổng số biên bản:** 0

*Ngày 11 tháng 12 Năm 2023*

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2**

Nguyễn Thị Thúy Quản Phí Thúc Thuyên.